

Bản án số: 456/2024/DS-PT
Ngày: 21-08-2024
“V/v tranh chấp dân sự -
Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Ông Lê Khắc Thịnh;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Trần Thị Diệu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2024/TLPT-DS, ngày 17 tháng 07 năm 2024, về việc “Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 497/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 521/2024/QĐ-PT, ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Phạm Phát T, sinh năm 1953;

2/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Thọ, xã An Long, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà P là: Anh Nguyễn Phước T1, sinh năm 1977, địa chỉ: khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Anh Hồ Văn H, sinh năm 1973;

2/ Chị Nguyễn Phương D, sinh năm 1978,

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Phương D là: Luật sư Trần Hà Xuân P - Chi nhánh Công ty luật TNHH MTV K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Phạm Thành L, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo: Ông H và bà D là bị đơn;*

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Cho vợ chồng ông H, bà D vay nhiều lần với tổng số tiền 14.300.000.000đồng, cụ thể: ngày 21/8/2014 vay 150.000.000đồng; ngày 06/10/2014 vay 400.000.000đồng; ngày 21/4/2015 vay 250.000.000đồng; ngày 28/02/2016 vay 150.000.000đồng; ngày 10/8/2016 vay 100.000.000đồng; ngày 18/8/2016 vay 50.000.000đồng; ngày 03/01/2017 vay 200.000.000đồng; ngày 10/6/2019 vay 13.000.000.000đồng. vay lãi suất 2%/tháng, để làm ăn kinh doanh, kể từ ngày 10/6/2019 thì không đóng lãi cho đến nay. Do đó khởi kiện yêu cầu trả tiền vay gốc và lãi, tổng cộng 27.355.900.000đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi số tiền yêu cầu, chỉ yêu cầu ông H, bà D trả tiền vay là 14.300.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Phương D trình bày:*

Số nợ ông T, bà P kiện tiền vay gốc 14.300.000.000đồng là quá trình dài từ năm 2014, vay nhiều lần, tổng cộng 3.000.000.000đồng, lãi vay tính bằng ngày, tính ra 72%/năm. Do làm ăn, kinh doanh không đủ đóng lãi, nên phần tiền lãi gộp nhiều lần thành tiền gốc. Do đó không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, mà chỉ đồng ý trả số tiền 3.000.000.000đồng.

Tại phiên tòa, bà D cho là nguyên đơn không yêu cầu trả lãi, nên xin rút không yêu cầu Tòa án xem xét việc áp dụng thời hiệu, chỉ trả vốn, không trả lãi.

Ngoài ra, bà D cho là trong khối tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì có tài sản chung và tài sản riêng của ông H, nên yêu cầu hủy bỏ 01 phần Quyết định kê biên đối với phần đất ruộng là tài sản riêng của ông H.

Tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ông Hồ Văn H có lời trình bày: ông cho rằng không biết việc vay tiền của vợ ông với bà P, ông T, nên không đồng ý trả nợ và tài sản phong tỏa là tài sản riêng của ông nên quyết định phong tỏa là trái quy định pháp luật.

- *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thành L trình bày:*

Đang sống chung với gia đình, cha, mẹ là ông T, bà P có nhờ mang tiền đến cho vợ chồng ông H, bà D vào các ngày 03/01/2017 số tiền 200.000.000đồng và ngày 10/6/2019 số tiền 13.000.000.000đồng, đây là khoản tiền của cha mẹ cho ông H, bà D vay, không phải tiền của anh, nên trong vụ án này không có ý kiến hay yêu cầu gì.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Phương D có trách nhiệm liên đới trả 14.300.000.000đồng tiền nợ vay cho ông Phạm Phát T và bà Nguyễn Thị P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm: Ông H, bà D có đơn kháng cáo. Bà D kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền nợ là 3.000.000.000đồng (Ba tỷ đồng); Ông H kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà D trả nợ.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm;

- Bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho bà D trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, sửa án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông H, bà D, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Phát T, bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn là ông Hồ Văn H, bà Nguyễn Phương D về việc yêu cầu trả tiền vốn đã vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản” phù hợp với quy định Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là ông H và bà D không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo; Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn H, bà Nguyễn Phương D; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông T, bà P về việc yêu cầu ông H, bà D trả lại số tiền vốn gốc mà bà D đã vay. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông T, bà P cung cấp tờ biên nhận với tổng số tiền vốn vay còn nợ là 14.300.000.000đồng. Do đó, việc yêu cầu khởi kiện của ông T, bà P là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà D về việc không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bà D cho rằng chỉ đồng ý trả cho bà P, ông T số tiền còn nợ là 3.000.000.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào tờ biên nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp thì phía bị đơn là bà D thừa nhận giấy biên nhận này do bà D viết và ký tên; Còn việc bị đơn là bà D cho rằng chỉ còn nợ số tiền là 3.000.000.000đồng thì bà D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Đồng thời, nguyên đơn cũng không thừa nhận việc bà D chỉ còn nợ số tiền 3.000.000.000đồng như bị đơn trình bày. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn trả nợ vay số tiền 14.300.000.000đồng là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, chồng của bà D về việc không đồng ý liên đới trả nợ cùng với bà D. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của bà D cho rằng: mượn tiền để kinh doanh và do làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả nợ. Xét thấy: Ông H, bà D làm nghề mua bán, là Hộ kinh doanh cá thể mặt hàng trang trí nội thất Phương Dung, ông H là chồng chị Dung và là thành viên hộ kinh doanh. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận là việc vay tiền cho mục đích kinh doanh, mua bán, nên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Phương D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay là hoàn T1 phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà D nên Ông H, bà D phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn H, bà Nguyễn Phương D;

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân Huyện T, Tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Phát T và bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Phương D có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay là 14.300.000.000đồng (Mười bốn tỷ ba trăm triệu đồng) cho ông Phạm Phát T và bà Nguyễn Thị P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Phương D phải liên đới nộp 122.300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Phạm Phát T và bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do ông T, bà P là người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông H, bà D mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010546 và biên lai số 0010547 ngày 13/6/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh